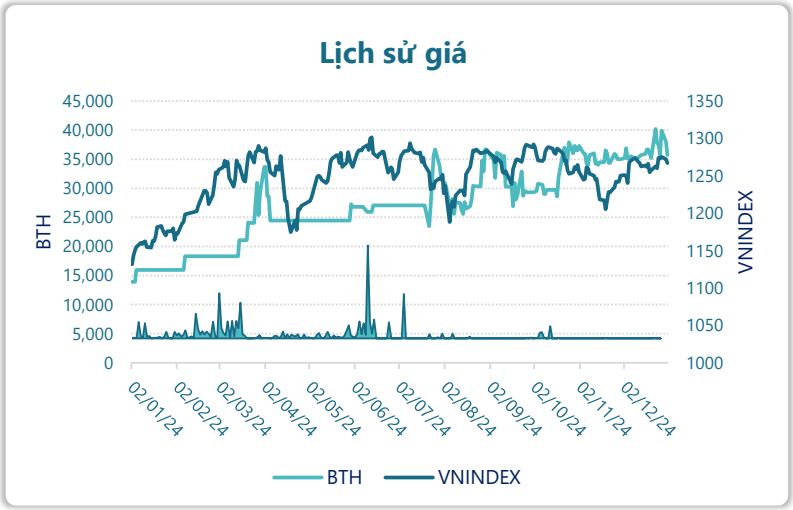
FireAnt

CTCP Chế tạo biến thế và Vật liệu điện Hà Nội (UPCOM: BTH)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**35,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	40,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,911
SL cổ phiếu LH	25,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,095
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	893
P/E	1.3
EPS	28,403

DT thuần

Q4/24

384

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 168| 77.9%

YoY: ▲ 384| 142208%

LN sau thuế

Q4/24

218

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 124| 131%

YoY: ▲ 218| 145305%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

49.0%

+/- YoY: ▲ 29.3%

DT thuần

2024

1,815

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,814| 172248%

LN sau thuế

2024

710

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 710| 677894%

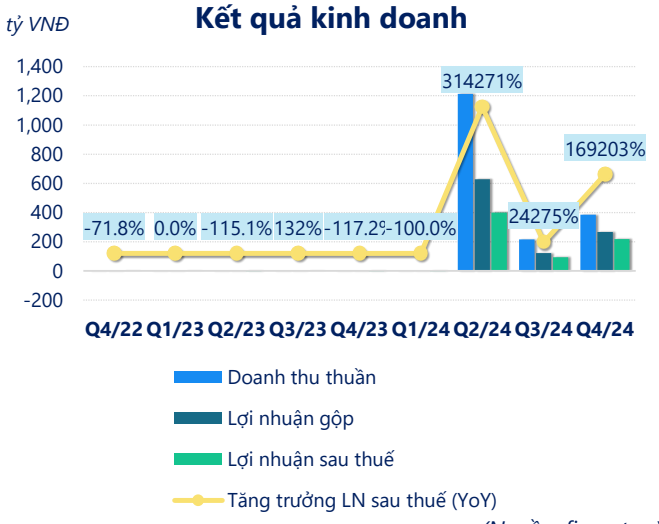
ROE

2024

116%

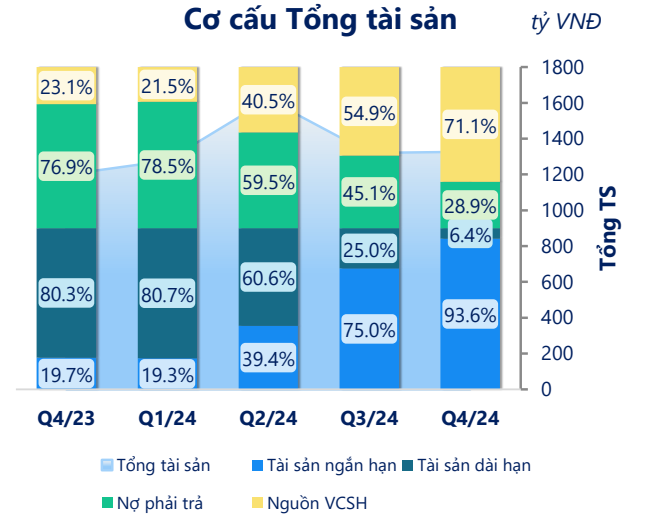
+/- YoY: ▲ 116%

Kết quả kinh doanh



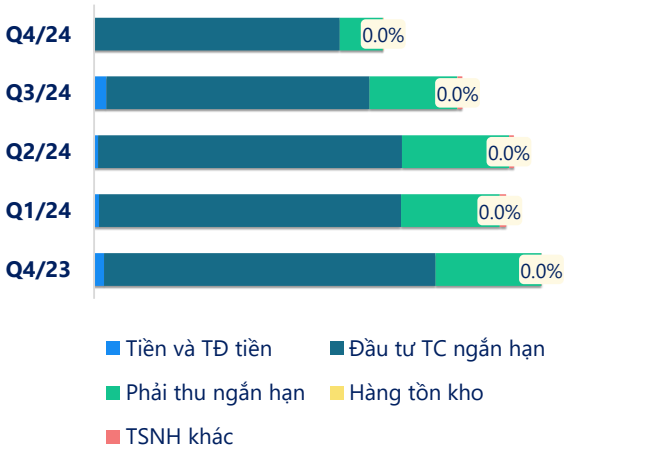
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



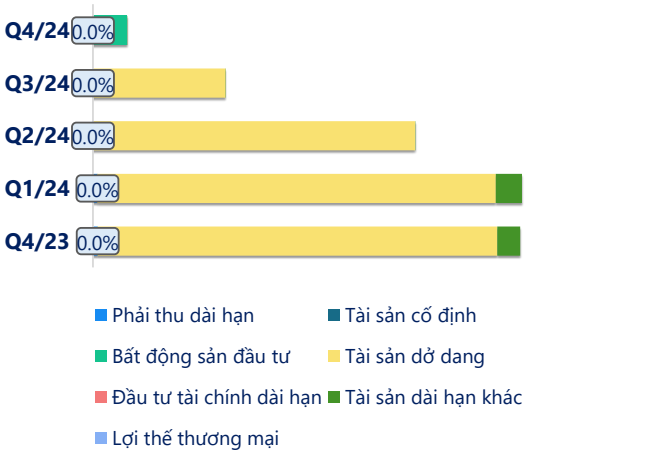
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



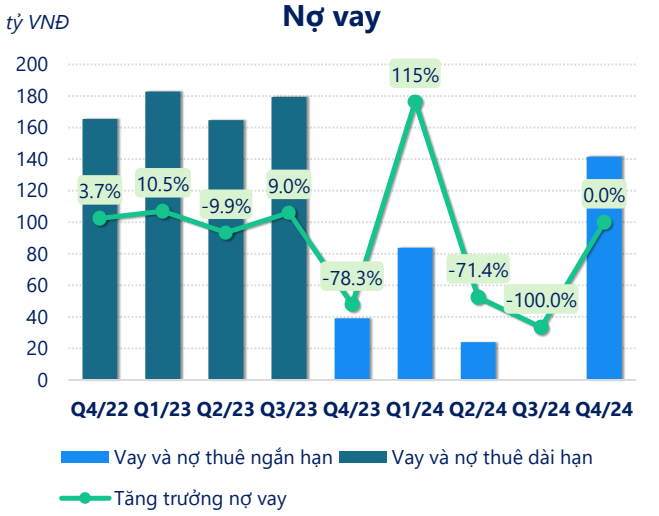
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



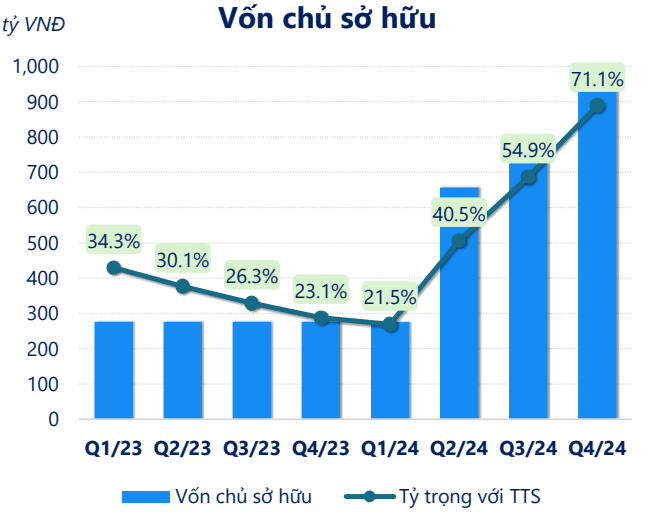
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



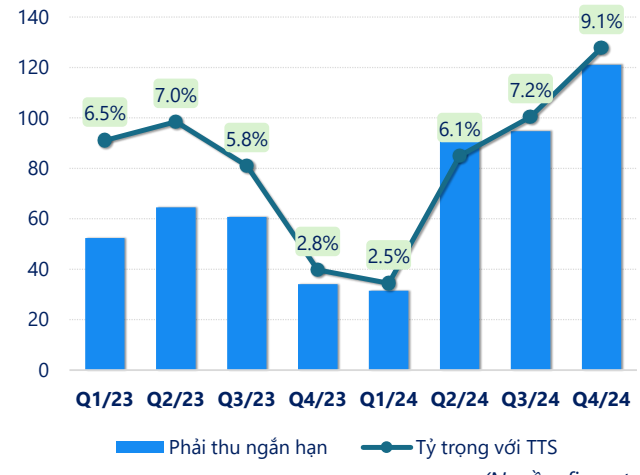
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



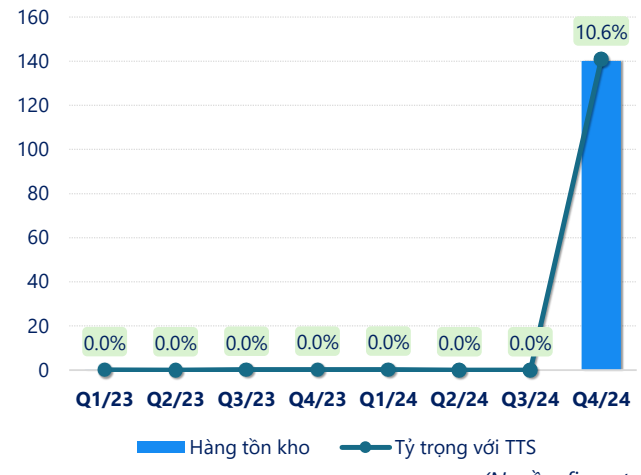
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



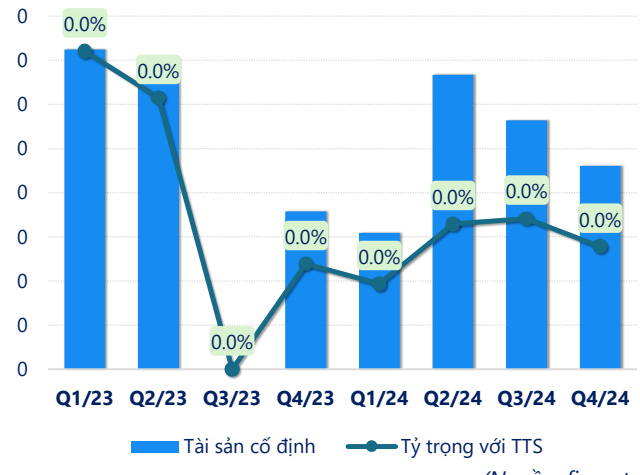
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



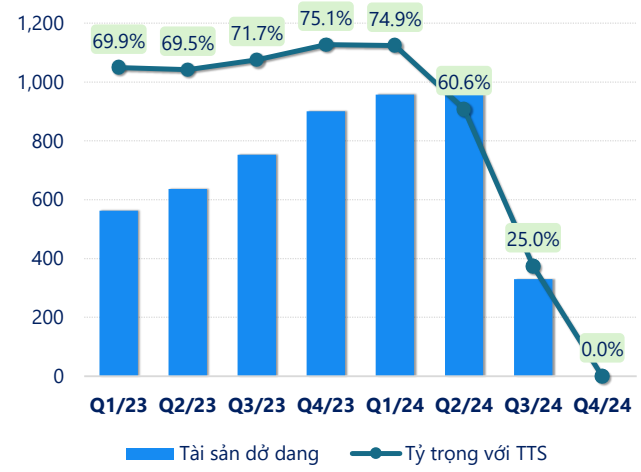
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



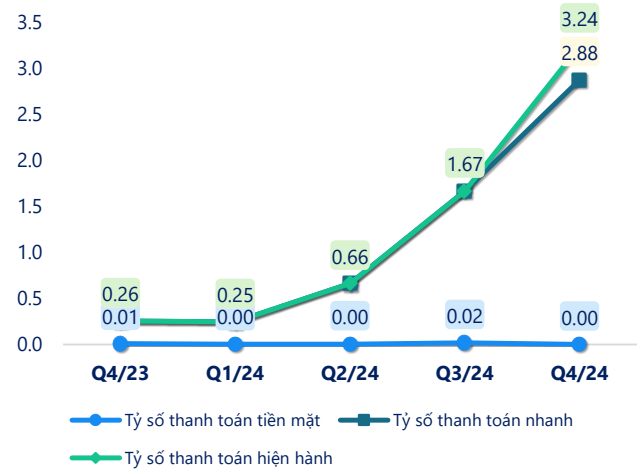
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



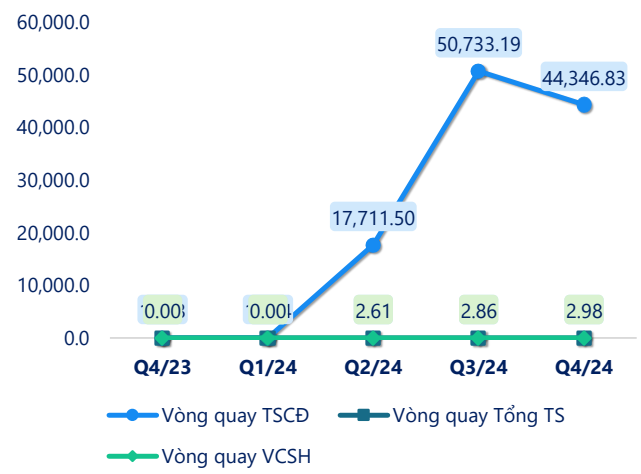
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,199**	**1,278**	**1,620**	**1,321**	**1,326**
Tài sản ngắn hạn	**236**	**247**	**639**	**991**	**1,241**
Tiền và tương đương tiền	7.74	4.09	4.12	10.8	0.38
Đầu tư tài chính ngắn hạn	194	210	536	885	980
Phải thu ngắn hạn	34.0	31.4	98.3	94.7	121
Hàng tồn kho	0.25	0.30	0	0	140
Tài sản ngắn hạn khác	0.04	0.70	0.05	0.06	0.05
Tài sản dài hạn	**963**	**1,031**	**981**	**330**	**85.2**
Phải thu dài hạn	10.7	10.7	0	0	0
Tài sản cố định	0.04	0.03	0.07	0.06	0.05
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	84.8
Tài sản dở dang	901	957	981	330	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	51.5	63.2	0.21	0.18	0.37
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**922**	**1,003**	**964**	**595**	**383**
Nợ ngắn hạn	**922**	**1,003**	**964**	**595**	**383**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	39.0	83.7	24.0	0	142
Phải trả người bán ngắn hạn	88.0	70.3	68.5	38.0	27.7
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**276**	**275**	**656**	**726**	**943**
Vốn chủ sở hữu	**276**	**275**	**656**	**726**	**943**
Vốn điều lệ	250	250	250	250	250
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)